

Họ và tên:

PHIẾU CUỐI TUẦN 13 – MÔN TIẾNG VIỆT

I. Trắc nghiệm: Đọc bài văn và trả lời các câu hỏi sau:

Những quả đào

Một người ông có ba đứa cháu nhỏ. Một hôm, ông cho mỗi cháu một quả đào. Xuân ăn đào xong, đem hạt trồng vào một cái vò. Vân ăn xong vẫn còn thềm. Còn Việt thì không ăn mà mang đào cho cậu bạn bị ốm. Ông bảo: Xuân thích làm vườn, Vân bé dại, còn Việt là người nhân hậu.

Câu 1: Người ông giành những quả đào cho ai?

- A. Người vợ
- B. Các con
- C. Những đứa cháu

Câu 2: Trong bài, những bạn nào ăn quả đào ông cho?

- A. Xuân và Vân
- B. Xuân và Việt
- C. Xuân, Vân và Việt

Câu 3: Ông nhận xét gì về bạn Việt?

- A. Thích làm vườn
- B. Bé dại
- C. Người nhân hậu

Câu 4: Các từ “hạt, quả đào, trồng, vườn”. Từ chỉ hoạt động là:

- A. Hạt, quả đào
- B. trồng
- C. vườn, trồng

Câu 5: Từ chỉ đặc điểm trong câu “Còn Việt là người nhân hậu” là:

- A. Nhân hậu
- B. người
- C. Việt

Câu 6: Xuân đã làm gì với quả đào ông cho?

- A. Xuân để dành không ăn
- B. Ăn xong, Xuân đem hạt trồng vào một cái vò.
- C. Xuân cho bạn bị ốm
- D. Xuân để phần cho bà.

Câu 7: Vì sao ông nhận xét Vân bé dại?

- A. Vì Vân là em út
- B. Vì Vân không thích ăn đào
- C. Vì ăn xong Vân vẫn còn thềm
- D. Vì ông quý Vân nhất.

Câu 8: Từ chỉ sự vật trong câu “Xuân ăn đào xong, đem hạt trồng vào một cái vò.” là:

- A. Xuân, đào, đem, cái vò
- B. Xuân, ăn, hạt, cái vò
- C. Xuân, đào, hạt, cái vò
- D. Xuân, ăn, đem, hạt

II, Tự luận:

Bài 1:

a, Điền dấu chấm hoặc dấu phẩy thích hợp vào mỗi ô trống:

Đêm trăng trên Hồ Tây Hồ về thu, nước trong vắt (.....) mênh mông (.....) Trăng toả sáng rọi vào các gợn sóng lăn tăn (.....) Thuyền ra khỏi bờ thì hây hây gió đông nam (.....) sóng vỗ rập rình (.....) Một lát (.....) thuyền vào gần một đám sen. Bấy giờ, sen trên hồ đã gần tàn nhưng vẫn còn lơ thơ mấy đoá hoa nở muộn (.....) Mùi hương đưa theo chiều gió ngào ngạt...

b, Chọn dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than để điền vào từng ô trống trong truyện vui sau:

Phong đi học về (.....) Thấy em rất vui, mẹ hỏi:

- Hôm nay con được điểm tốt à (.....)

Vâng (.....) Con được khen nhưng đó là nhờ con nhìn bạn Long (.....) Nếu không bắt chước bạn ấy thì chắc con không được thầy khen như thế.

Mẹ ngạc nhiên:

- Sao con nhìn bài của bạn (.....)

- Nhưng thầy giáo có cấm nhìn bạn tập đâu! Chúng con thi thể dục ấy mà!

Bài 2: Hãy chia các từ: trâu, bò, thỏ, bàn học, giá sách, ông nội, thiêu nhi, bác sĩ, cây bàng, cây phượng, cây vú sữa, ô tô buýt, xe đạp thành 4 nhóm:

Từ chỉ người	Từ chỉ đồ vật	Từ chỉ con vật	Từ chỉ cây cối

Bài 3: Nối câu với kiểu câu thích hợp:

Bé đang tập nói, tập đi.

Câu nêu hoạt động

Đôi mắt bé to tròn và đen láy.

Câu nêu đặc điểm

Môi bé đỏ hồng rất dễ thương.

Bé Mai là em của chị Hoa.

Câu giới thiệu

Mai là một cô bé thật đáng yêu.